

TRÍ THỨC KHOA HỌC TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG

TRẦN CAO SƠN*

Tóm tắt: Bài viết phân tích sự hình thành và phát triển đội ngũ trí thức khoa học trẻ trong điều kiện hiện nay. Sự đứt gãy thể hệ trí thức khoa học là một thực trạng đang diễn ra ở nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học và đào tạo bậc cao hiện nay. Quá trình hình thành đội ngũ trí thức khoa học trẻ gắn liền với những cơ may và thách thức là không nhỏ. Những cơ hội và thách thức mà đội ngũ trí thức khoa học trẻ phải đối mặt là một hiện thực khách quan cần được giải quyết. Để phát huy vai trò của trí thức khoa học trẻ, cần tạo môi trường xã hội thuận lợi để người trí thức khoa học trẻ vươn lên, xứng tầm thời đại là yêu cầu cấp thiết; đồng thời mỗi trí thức khoa học cần nhận rõ trách nhiệm, không ngừng phấn đấu, hướng tới những đỉnh cao khoa học mà đất nước đòi hỏi.

Từ khóa: Trí thức, khoa học, trí thức khoa học trẻ.

1. Trí thức có những đặc trưng gì?

Nếu hiểu: “Trí là sự hiểu biết, là nguồn năng lượng thông tin, trí tuệ ẩn chứa trong đầu, tức là những người có kiến văn thâm hậu, nhìn thấy được bản chất sự vật và hiện tượng, biết phát hiện ra các quy luật tự nhiên, xã hội; “Thức” là sự vận hành, biểu đạt hợp lý và hiệu quả cái trí của mình vào cuộc sống, tức là sự “Giác” (trong Kinh Phật: Giác ngộ là biết mình, Giác tha là biết người, Giác thành viên mãn là biết và làm điều trọn vẹn, không nghi ngờ), thì “trí thức” là người có cả trí tuệ lớn, khả năng lớn, vượt khỏi mọi sự kiềm tỏa.

Một số người có trí, nhưng không có thức. Một số người có thức, mà không đủ trí. Thiếu một trong hai thuộc tính ấy không thành trí thức. Người tuy có nhiều bằng cấp, học hàm, học vị cao,

nhưng mới đạt phần trí, thiếu phần thức, cũng không thể gọi là trí thức. Người hoạt động nhiều, có quyền cao chức trọng, muốn thể hiện phần thức, nhưng thiếu phần trí, cũng không thể gọi là trí thức; mọi hành động mang tính cảm quan, thụ động, tuân thủ máy móc, cực đoan, cũng không phải trí thức. Sự ngộ nhận và nhầm lẫn về khái niệm trí thức đang là căn bệnh chung.

Trí thức chân chính có những đặc điểm rất đáng chú ý, đó là không sa đà vào cái ô hợp, cái mang tính phong trào, không xu thời chiều thế. Họ biết vận dụng tài năng, trí tuệ của mình cho ai, vào lúc nào là hợp lòng người, lòng trời, thuận nhân, thuận thiên.

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 khóa 7 Đại hội X xác định: *“Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội”*. Có thể coi đây là một định nghĩa chuẩn xác về trí thức.

2. Trí thức khoa học trẻ

Trên cơ sở xác định thuộc tính cơ bản của trí thức, như trên chúng ta có thể suy ra thế nào là trí thức khoa học, tức là trí thức trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Trí thức khoa học trẻ là trí thức khoa học còn trẻ về tuổi đời và tuổi nghề. Trong mặt bằng dân trí cũng như trong cơ cấu tổng thể của đội ngũ trí thức nói chung và trí thức khoa học nói riêng, có thể xem những người tốt nghiệp các trường đại học vào công tác tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo bậc cao (các viện nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng, các trường đại học và cao đẳng) là những trí thức khoa học.

Nghiên cứu khoa học là một công việc khó, đòi hỏi phải có kinh nghiệm và thời gian. Thực tế đã chứng minh, hầu hết những người được xét phong chức danh giáo sư, phó giáo sư trong hơn bốn thập niên qua đều có tuổi đời trên 50 và trải qua một lộ trình rất lâu dài. Ở trình độ này, năng lực nghiên cứu và đào tạo trình độ cao mới thực sự ở độ sung mãn.

Các trí thức sau khi tốt nghiệp các trường đại học về làm việc tại các viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành hoặc các trường đại học, cao đẳng cần phải có một quá trình hàng chục năm để học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng. Các thế hệ trước đây cũng vào độ tuổi 35- 40 mới thực sự quen công việc. Vì vậy, chúng ta có thể tạm gọi những người ở độ tuổi dưới 40 trong các cơ quan nghiên cứu khoa học và các trường đại học, cao đẳng là trí thức khoa học trẻ.

3. Sự đứt quãng thế hệ trí thức khoa học

Trong thập niên 90 thế kỷ trước, việc tuyển dụng ít cán bộ vào các viện nghiên cứu khoa học cơ bản, đặc biệt là các khoa học xã hội và nhân văn, đã để lại một hệ quả là sự đứt quãng thế hệ. Hiện trạng này không chỉ diễn ra ở một viện, một trường đại học, mà còn diễn ra ở nhiều nơi. Thế hệ cũ tạm hiểu là những người sinh ra ở giữa thập niên 50 trở về trước, được đào tạo tại nhiều nguồn, cả các trường thời thuộc Pháp, trường đại học Việt Nam. Từ sau hòa bình lập lại, một số đáng kể trí thức được đào tạo tại các trường đại học Trung Quốc, Liên Xô và các nước Đông Âu. Đây là một thế hệ được đào tạo khá cơ bản, chính qui trong nhà trường công lập Nhà nước, kể từ cấp I đến hết đại học.

Chính vì vậy, tuy hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đất nước lại trong thời kỳ chiến tranh, nhưng đội ngũ trí thức này có được phong cách nghiên cứu khoa

học ngay từ trong quá trình đào tạo. Thời kỳ học tập trong trường đại học là thời kỳ tu luyện để trở thành các nhà khoa học tương lai. Các buổi sinh hoạt khoa học diễn ra thường xuyên, ngay cả chủ nhật, buổi tối. Các semina khoa học, các khóa luận, các chuyến đi nghiên cứu diễn đã tập dượt phong cách nghiên cứu là những nội dung không thể thiếu. Sau khi tốt nghiệp đại học, họ đã có những kiến thức về thao tác nghiên cứu mà sau này ít còn được áp dụng trong hệ đại học cho các sinh viên, nhất là ở các trường dân lập mới thành lập. Khi về công tác tại các viện nghiên cứu và các trường đại học, họ thực sự là đội ngũ trí thức có trình độ.

Bảng 1. Số lượng sinh viên đại học từ năm 1990 - 2006 (Đơn vị: người)⁽¹⁾

Năm học	Tổng số sinh viên	Trong đó	
		Dài hạn tập trung	Tại chức và hệ khác
1990-1991	114.495	94.447	50.048
1996-1997	448.090	197.581	290.590
1997-1998	671.120	369.596	301.524
1998-1999	798.900	469.686	329.214
1999-2000	893.800	509.637	384.117
2000-2001	969.403	552.461	365.767
2001-2002	794.119	579.197	394.922
2005-2006	1.387.107	752.421	634.686

Sự hình thành thế hệ trí thức khoa học trẻ ở giai đoạn này là một dấu mốc trên con đường phát triển, vì lúc này có sự bùng nổ của công nghệ kỹ thuật số (CNTT), có quá trình mở cửa hội nhập, có xu thế phát triển nền kinh tế tri thức.

Đến đầu thế kỷ XXI và đặc biệt là bắt đầu thập niên thứ hai của thế kỷ này, đội ngũ cán bộ nghiên cứu đã ở tuổi nghỉ hưu. Số còn lại không đáng kể. Hầu hết những người còn lại đã vào tuổi sắp nghỉ hưu, hoặc là được kéo dài sau tuổi 60.

4. Sự hình thành đội ngũ trí thức khoa học trẻ

Do chính sách đổi mới và mở cửa, hệ thống giáo dục đại học Việt Nam có những chuyển biến lớn. Chỉ sau mười năm của thập niên vừa qua, số sinh viên tăng lên nhanh chóng từ đủ mọi loại trường và ở mọi ngành nghề. Đây cũng là lúc yêu cầu tuyển chọn cán bộ đáp ứng nhu cầu bổ sung cho các viện, trường đang đòi hỏi (xem bảng 1).

Trí thức trẻ ngày nay có những lợi thế

⁽¹⁾ Số liệu theo đề tài cấp Nhà nước “Đổi mới chính sách đối với trí thức KH&CN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Báo cáo tổng kết đề tài độc lập cấp Nhà nước, Mã số ĐTĐL-2003/27, chủ nhiệm đề tài: GS.TSKH Nguyễn Hữu Tăng, Hà Nội năm 2007.

hơn nhiều so với thế hệ trước ở 5 điểm sau. *Một là* có cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu làm việc. Sự ra đời của CNTT với môi liên thông toàn cầu thuận tiện cho việc khai thác thông tin và giao thương liên lạc. Hầu như 100% trí thức khoa học trẻ đều sử dụng thành thạo vi tính trong nghiên cứu. Soạn thảo văn bản, liên lạc, khai thác thông tin từ các trang mạng, mang lại hiệu quả gấp trăm lần so với việc tra cứu bằng sách và ghi chép bằng bút mực, bút chì trước đây. Nếu như thế hệ trước chỉ có thể tiếp xúc với các nhà khoa học nước ngoài nhờ các hội thảo khoa học quốc tế thưa thớt, có cơ hội mới được trao đổi ít phút bằng tiếng Anh, không hệ thống, thì bây giờ lớp trẻ có đủ cơ may để tiếp xúc, trao đổi thường xuyên, làm việc bằng tiếng Anh. *Hai là* sự trao đổi về các nội dung khoa học được mở rộng; điều đó đã làm cho sự liên kết các mảng vấn đề nghiên cứu, phương pháp tiếp cận và giải quyết các vấn đề tăng lên. *Ba là* sự chia sẻ thông tin trở thành một lẽ giản đơn và quan trọng mà trước kia chưa có. *Bốn là* quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế được mở rộng. *Năm là* trình độ ngoại ngữ tiếng Anh của nhiều cán bộ trẻ rất tốt, có thể làm việc trực tiếp với các nhà khoa học nước ngoài.

Qua điều tra 30 trí thức khoa học trẻ thì 22 người trả lời rằng, họ có thể sử dụng tiếng Anh ở nhiều cấp độ, trong đó có 7 trường hợp sử dụng tiếng Anh

trong mọi thao tác, từ trao đổi giao lưu đến viết bài.

Trong các cơ quan thì nhiều trí thức khoa học trẻ được đào tạo rất cơ bản và nhận bằng tốt nghiệp tại các nước có nền khoa học phát triển như Mỹ, Anh, Úc, Nhật, Pháp, v.v..

Về điều kiện sống cá nhân, đối với thế hệ trước, cán bộ nghiên cứu mới về các viện đều không có nhà ở, trừ những người có gia đình ở Hà Nội. Nhiều người phải ngủ trên bàn tại phòng làm việc. Sức khỏe của họ kém vì không đủ dinh dưỡng, họ thường xuyên ốm đau. Đời sống kinh tế cơ cực thì việc đi sâu vào chuyên môn khoa học là điều không dễ.

Qua tìm hiểu thông tin 30 trường hợp như đã nêu trên (trong đó 27 người đến từ ngoài tỉnh) về vấn đề nhà ở thì câu trả lời là: mọi người đều có nhà, không phải ngủ bàn, ngủ ghế. Nhà ở có được theo nhiều nguồn: 10 người có nhà do mua, 5 người từ gia đình cho, 15 người thuê, mượn. Cả 30 trường hợp được hỏi đều trả lời là họ có chỗ nghỉ ngơi sau ngày làm việc và đồng thời có thể làm việc tại nhà. Nhà ở đảm bảo đủ tiêu chí là “*nhà ở*”. Những vấn đề mà trí thức khoa học trẻ đang phải đối mặt chính là cơ chế sử dụng để có sự tồn tại bền vững.

5. Những thách thức đối với đội ngũ trí thức khoa học trẻ

5.1. Tính liên kết kém giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo bậc cao

Cấu trúc hệ thống nghiên cứu khoa học và đào tạo bậc cao của nước ta thuộc loại không giống các quốc gia tiên tiến trên thế giới.

Hệ thống đại học các nước nhìn chung là hệ thống hoàn chỉnh, khép kín, tổng thể, bao gồm cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và đào tạo. Các viện nghiên cứu nằm ngay trong hệ thống đại học. Nghiên cứu khoa học và đào tạo bậc cao là hai mặt thống nhất của chức năng đại học. Trong khi đó, ở Việt Nam hệ thống các viện nghiên cứu khoa học, nhất là khoa học cơ bản với hàng trăm viện chuyên ngành và hàng ngàn nhà khoa học có trình độ cao, lại nằm riêng biệt, tách khỏi đại học. Các trường đại học thì thiếu đến mức trầm trọng đội ngũ trình độ cao. Những năm gần đây, hàng loạt trường đại học mới được thành lập (trường công lập, trường dân lập, trường tư thục, trường bán công). Đội ngũ giảng viên được thu gom theo nhiều dạng: người đã nghỉ hưu, nhưng còn khả năng và nhu cầu phục vụ; giáo viên các trường cao đẳng chuyển lên; sinh viên mới tốt nghiệp; cán bộ thỉnh giảng chưa qua chọn lọc. Trong khi đó nhiều nhà khoa học có trình độ thuộc hai viện khoa học lớn vẫn chưa được sử dụng thỏa đáng trong mặt trận này.

Đội ngũ trí thức khoa học trẻ thuộc hai hệ giảng dạy và đào tạo bậc cao và nghiên cứu khoa học của các viện

nghiên cứu chưa hợp tác hợp lý để cùng chia sẻ trách nhiệm và kinh nghiệm giữa nghiên cứu chuyên sâu và đào tạo. Người có thực tế trong giảng dạy và đào tạo thì thiếu điều kiện nghiên cứu. Người có khả năng nghiên cứu sâu thì thiếu điều kiện truyền thụ và đào tạo.

5.2. Thiếu môi trường sáng tạo

Đội ngũ trí thức khoa học Việt Nam có các đặc điểm nổi bật là: không cân đối, hợp tác không chặt chẽ, không phát huy nội lực sáng tạo cá nhân, vị kỷ và thiếu tự tin. Chúng ta có một đội ngũ các nhà khoa học đông đảo về số lượng và trải rộng khắp mọi lĩnh vực, nhưng chưa bao giờ Việt Nam có được một công trình khoa học hay một phát minh khoa học lớn nào xứng tầm quốc tế. Phấn đấu để có số lượng đông đảo người có bằng cấp tính trên đầu dân, điều đó không khó. Nhưng cái khó là chất lượng của đội ngũ ấy như thế nào và sử dụng họ ra sao? Nhìn xuyên suốt chiều dài lịch sử, nhất là những biến động trong thế kỷ qua, có thể thấy rằng: Việt Nam chưa thực sự có đội ngũ trí thức khoa học hoàn chỉnh theo đúng nghĩa; chưa có môi trường phát triển trí thức khoa học mà các quốc gia tiên tiến đã có hàng thế kỷ nay. Đội ngũ trí thức bị công chức hóa. Các trường đại học và các viện nghiên cứu bị hành chính hóa, hoạt động theo những quy chuẩn chung như các cơ quan nhà nước khác. Thuộc tính cơ bản của một thung lũng

trí tuệ, là vườn ươm nhân tài chưa được thể hiện. Khi trí thức bị công chức hóa trong môi trường hành chính hóa thì họ không thể phát huy tư tưởng sáng tạo. Để xây dựng nhà trường và các viện nghiên cứu khoa học thành “vườn ươm trí tuệ”, thì cần dám “chấp nhận rủi ro”, “dung nạp sự hỗn loạn có tính sáng tạo” và “không sợ thất bại” như các nhà khoa học lừng danh trên thế giới đã đúc kết trên con đường dẫn đến thành công của họ. Bên cạnh đó, đời sống kinh tế của trí thức thấp kém so với yêu cầu và so với mặt bằng chung của xã hội; họ không được tôn trọng về vị thế xã hội.

Chu Hảo đã đưa ra một số suy nghĩ về trí thức Việt Nam mà theo tôi là khá chuẩn xác: “*Những nét đặc trưng của tầng lớp này là gì? Ngoài những đặc tính được Đảng và Nhà nước và phần nào xã hội thừa nhận là ưu điểm, là tích cực như: yêu và trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân, với Đảng, với Chủ nghĩa xã hội; cần cù, thông minh, sáng tạo, v.v., thì những tiêu cực không thể phủ nhận được là hết sức điển hình. Đó là: 1) Hời hợt trong tư duy và thiếu nghiêm túc trong nghiên cứu. 2) Tính cơ hội, thực dụng và vụ lợi trong hành xử. 3) Ưa thành tích và chấp nhận sự giả dối một cách dễ dàng. 4) Thiếu tinh thần hợp tác và ít lòng vị tha*”⁽²⁾.

Thực trạng mà đội ngũ trí thức khoa học Việt Nam phải đối mặt đã gây ra

những ảnh hưởng không nhỏ đối với sự phát triển của đội ngũ trí thức khoa học trẻ hiện nay. Đội ngũ trí thức khoa học trẻ đang bị chi phối bởi những cơ chế lạc hậu thì khó thoát ra để tìm hướng đi của chính mình. Không nhận thức đúng và có giải pháp, chính sách phù hợp, thì đội ngũ trí thức khoa học trẻ hôm nay vẫn trong tình trạng trì trệ, không thể xây dựng được đội ngũ hùng mạnh trong tương lai theo đúng nghĩa mà một xã hội tiên bộ đang vươn tới.

5.3. Sự khó khăn về đời sống và thu nhập

Tuy so với thế hệ trước thì đời sống của lớp trẻ có khá hơn rất nhiều, họ không phải chịu cảnh thiếu thốn, không phải xếp hàng mua gạo, mua thực phẩm theo tem phiếu; không phải ngủ bàn, ngủ ghế tại cơ quan; mọi người đều có chỗ ở, đều có nơi làm việc và điều kiện làm việc bảo đảm. Nhưng về bản chất, họ vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Những cơ sở vật chất có được vẫn ở trạng thái tạm bợ, bấp bênh. Căn cứ theo bảng lương tháng thì quân bình trí thức khoa học trẻ có mức thu nhập từ 3 đến 4 triệu đồng. Do mức lương quá thấp, không người nào đủ chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu tối thiểu như: ăn uống (ở mức tiết kiệm), thuê nhà (với giá thấp nhất), thông tin, liên lạc, thuốc men, phí tổn đi

⁽²⁾ Chu Hảo, "Dân chủ và trí thức" (Chuyên đề thuộc đề tài KX.03.11/06-10 tổ chức).

lại, tiền cho các dịch vụ (điện, nước, truyền hình, vệ sinh, v.v..) cùng vô số các khoản chi phí phát sinh khác. Đặc biệt những người có con nhỏ thì toàn bộ số lương không đủ tiền gửi trẻ cho một đứa con, mà ở đây tuyệt đại bộ phận là những người có con đang tuổi gửi trẻ và mẫu giáo. Muốn tồn tại được để có thể đến cơ quan làm khoa học, họ phải có hai lựa chọn là nhờ nguồn tài trợ từ gia đình; tích cực tham gia các dự án triển khai có mức thù lao cao và lệ thuộc vào nơi thuê mượn. Nếu không thì phải già từ con đường khoa học để tìm một hướng mới phù hợp với bản thân.

Trong thực tế thì cả ba khả năng này đều có thể xảy ra.

Nhiều trí thức trẻ được đào tạo cơ bản, có năng lực nghiên cứu đã công tác tại các viện một thời gian dài, nhưng xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thu nhập thấp, họ đành phải đi khỏi viện và tìm con đường khác có mức thu nhập cao hơn. Trong hơn mười năm qua, chỉ tính riêng ở Viện Xã hội học (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) đã có khoảng 50 cán bộ nghiên cứu trẻ đi ra khỏi Viện để tìm công việc nơi khác.

Hai khả năng trên là thường trực, bởi không một ai có thể tồn tại được với mức thu nhập như vậy. Song cả hai khả năng này đều rất bấp bênh, tạm bợ và không thể tạo điều kiện cho người trí thức vươn tới sự sáng tạo theo hoài bão

của chính mình.

5.4. Tính thực dụng và bỏ lỡ cơ hội

Xuất phát từ sự thiếu mạch lạc và nghiêm túc trong tuyển dụng, nên trong các cơ quan nhà nước hiện diện một đội ngũ cán bộ với khá nhiều sự khác biệt.

a. Sinh viên kém

Do việc mở cửa ồ ạt các trường đại học và tuyển sinh tùy tiện theo nhu cầu kinh doanh, mang tính thực dụng kinh tế, nên một số lượng không nhỏ học sinh hết phổ thông rất kém về kiến thức đã có mặt trong các trường đại học. Có người thi hai, ba năm cũng chỉ đạt bảy, tám điểm cho cả ba môn thi vẫn được hai, ba trường gọi tuyển.

Hiện tượng đánh trống ghi tên, mua điểm, xin điểm diễn ra tràn lan đã tạo ra một hậu quả là sau khi tốt nghiệp đại học sinh viên không đủ khả năng và trình độ đáp ứng nhu cầu làm việc. Nhưng do có được các ưu thế khác như quen thân, có ảnh hưởng xã hội, họ đã được tuyển dụng vào các cơ quan quan trọng, thậm chí cả các viện nghiên cứu chuyên ngành và các trường đại học. Tuy cũng gọi là trí thức khoa học trẻ, nhưng thực sự họ không làm được việc. Trong khi đó nhiều sinh viên tốt nghiệp loại giỏi lại không có cơ may này. Tính thiếu đồng bộ về kiến thức và nhân cách trong trí thức khoa học trẻ hiện nay là rất đáng quan ngại.

b. Thiếu sự chọn lọc

Một trong những khuyết điểm trầm

kha của cơ chế sử dụng đội ngũ cán bộ hưởng lương nhà nước từ mấy chục năm qua là không có sự sàng lọc và đào thải. Sau khi cầm quyết định tuyển dụng, họ trở thành cán bộ nhà nước suốt đời, hưởng lương suốt đời. Không phù hợp chỗ này thì chuyển chỗ khác và chỗ nào cũng là cơ quan để có quyền hưởng lương từ biên chế.

Tính cứng nhắc đó đã tạo cơ hội cho những người thiếu trách nhiệm và thiếu năng lực tồn tại triền miên đến ngày cầm sổ hưu. Những hiệu quả công việc họ mang lại cho đất nước rất ít. Một đội ngũ đông đảo trong biên chế mà không làm việc hoặc làm việc không hiệu quả, không chất lượng là thuộc tính của một cơ chế thiếu trách nhiệm, cơ chế “tiền chùa”. Đội ngũ viên chức trong các cơ quan khoa học và đào tạo cũng hiện diện không ít loại hình cán bộ này.

c. Tính thực dụng của đội ngũ trí thức kém về trình độ chuyên môn

Né tránh đi vào những vấn đề phức tạp và khó khăn trong học thuật là một vấn đề cần được xem xét nghiêm túc. Không ít trí thức khoa học đã tìm những công việc giản đơn, có thu nhập cao và né tránh đi vào những vấn đề mới trong khoa học. Do tính ổn định về biên chế đã được tạo ra, không lo phải đối phó với mất việc, họ không cần công trình nghiên cứu, chỉ cần làm những công việc giản đơn và đảm bảo được cuộc sống. Nhiều cán bộ trong đời làm cán bộ

nghiên cứu trong các viện khoa học, nhưng không có được một công trình khoa học nào xứng đáng. Hiện tượng những người suốt đời làm nghiên cứu, nhưng chỉ viết được một vài bài báo chuyên ngành đã diễn ra khá phổ biến. Trong đội ngũ trí thức trẻ không ít người đang bước theo lối mòn này.

Việc sử dụng vi tính, sử dụng tiếng Anh cũng là một thách thức không nhỏ khó vượt qua đối với nhiều cán bộ nghiên cứu trẻ. Những cơ hội lớn lao mà thời đại mang đến không có ý nghĩa gì đối với họ; họ cố tình làm ngơ, trở thành kẻ lạc hậu.

5.5. Hệ quả của vấn đề

Có thể thấy trong nhiều năm qua việc lựa chọn nghề của lớp trẻ là vấn đề lớn và đặt chúng ta trước nhiều câu hỏi cần trả lời. Khi các ngành nghề mở rộng thì khả năng lựa chọn của họ càng lớn. Các khoa học cơ bản trước đây được đứng ở bực vinh quang cao nhất trong các ngành nghề thì nay đã được thay thế bằng những ngành nghề khác có mức thu nhập cao. Trong khoa học cơ bản thì các khoa học xã hội là chịu nhiều yếu thế hơn cả. Các ngành văn học, sử học một thời đông kín sinh viên theo học thì nay trong tình trạng không tuyển đủ chỉ tiêu hàng năm được nhà nước cho phép. Trong nghiên cứu, tạm lấy xã hội học làm một ví dụ, và từ đó có thể suy rộng ra các ngành khoa học khác.

Trong danh mục các khoa học xã hội

và nhân văn, xã hội học vẫn là một ngành mới. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học là gì vẫn còn xa lạ với những sinh viên khi nộp đơn thi vào đại học. Việc quyết định thi vào xã hội học cũng được xuất phát từ nhiều nguyên nhân.

Tìm hiểu 30 trường hợp trí thức khoa học trẻ tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam mà trong đó chủ yếu là tại Viện Xã hội học, về việc chọn nghề của họ để có thêm thông tin cho kết quả là: rất thích học và nghiên cứu xã hội học (XHH) (5 trường hợp trả lời); không biết chọn ngành nào thì thi XHH để xem nó thế nào (4 trường hợp trả lời); có người quen đã học XHH thuyết phục (5 trường hợp); có người thân trong gia đình lo cho công việc sau khi tốt nghiệp nếu học xã hội học (3 trường hợp); tuy thu nhập thấp nhưng công việc nhàn rỗi, không vất vả (2 trường hợp); không có ý kiến gì (10 trường hợp).

Những kết quả tìm hiểu được, tuy chưa thực sự chính xác, nhưng cũng cho thấy việc lựa chọn ngành nghề với xã hội học của trí thức trẻ không đơn giản. Có lẽ đây cũng là thực trạng chung của các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

6. Gợi mở các giải pháp chính sách đối với trí thức khoa học trẻ

Nghị quyết số 27 - NQ/T.Ư "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" của BCH Trung ương Đảng lần

thứ 7 khóa X đã chỉ rõ: "Trong mọi thời đại, trí thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển"; trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định.

Trên cơ sở đó, chúng tôi kiến nghị một số nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước như sau: hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức; thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức; tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, bồi dưỡng trí thức; đề cao trách nhiệm của trí thức, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hội của trí thức; có cơ chế, chính sách huy động trí thức, đặc biệt là trí thức đầu ngành, trực tiếp chăm lo và thực hiện việc đào tạo đội ngũ kế cận.

Đối với đội ngũ trí thức khoa học trẻ thì cần: *xây dựng một hệ thống thang lương chuyên biệt cho các nhà khoa*

học, có thể gấp nhiều lần mức lương hiện có; cải thiện điều kiện làm việc; tôn vinh giá trị tinh thần trước xã hội; có chiến lược đào tạo cơ bản về kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng nghề nghiệp; tiếp tục được đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực phụ trách; mở rộng các điều kiện hợp tác quốc tế; có chính sách kiểm tra đánh giá, sàng lọc, lựa chọn và đào thải hợp lý.

7. Kết luận

Trí thức khoa học trẻ hiện nay là nguồn tài sản vô cùng quý giá đối với sự phát triển đất nước. Có chính sách xây dựng trí thức trẻ chính là một chiến lược mũi nhọn trong chiến lược phát triển toàn diện. Đội ngũ trí thức khoa học trẻ đang tiếp bước cùng trí thức nhân loại trên con đường hội nhập, phát triển, tiếp cận tri thức mới của thời đại. Sự thành công của đất nước trong tương lai đạt đến mức nào, điều đó có một phần quan trọng phụ thuộc ở họ.

Hiện tại trí thức trẻ trong khoa học cơ bản đang đối mặt với rất nhiều thách thức, trong đó đáng kể nhất là mức sống thấp và môi trường dung dưỡng cho sự sáng tạo còn hạn chế.

Trước yêu cầu CNH, HĐH đất nước, trước xu thế hội nhập, hợp tác, cạnh tranh, việc xây dựng nguồn lực trí tuệ trở thành nội dung then chốt trong chiến lược phát triển.

Tạo lập chuẩn mực giá trị cho khoa học và nhà khoa học là nội dung đột phá quan trọng. Xây dựng đất nước

thành vườn ươm trí tuệ, tạo dựng hình tượng người trí thức trong sáng tạo và cống hiến.

Để xây dựng đất nước ta thành một vườn ươm trí tuệ, thì mỗi con người cần trở thành một chủ thể sáng tạo, tự giác và say sưa. Nhà nước và các tổ chức luôn đóng vai “bà đỡ” cho quá trình hình thành, thai nghén và sinh thành những sáng tạo thăng hoa của mỗi cá nhân, nhóm cá nhân và các tập thể, biết chia sẻ thành công và thất bại trong quá trình sáng tạo của họ.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Đắc Hưng (2008), *Trí thức Việt Nam tiến cùng thời đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đặng Hữu (chủ biên) (2003), *Phát triển kinh tế tri thức: Rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Cao Sơn (2009), “Trí thức khoa học: vốn và hàng hóa quý hiếm trong thị trường kinh tế tri thức”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*.
5. Hoàng Tụy (2009), “Phiếm luận về khuyết tật hệ thống”, Tạp chí *Tia Sáng*, số 2,3.
6. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2008), *Kinh nghiệm của một số nước về phát triển giáo dục và đào tạo khoa học và công nghệ gắn với xây dựng đội ngũ tri thức*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

